TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2024/DS-ST Ngày 22 tháng 5 năm 2024 "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2024/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Hồ Thanh T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Hà Thị N, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Số D Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Văn bản uỷ quyền ngày 06/11/2023.
- **Bị đơn:** Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1978 và ông Đỗ Ngọc D1, sinh năm 1978.
Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện N, Đồng Nai.
Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Văn bản uỷ quyền ngày 24/11/2023.
- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Khu B, tổ I, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà Hà Thị N, bà Phan Thị Ngọc D và bà Bùi Thị T1 có mặt tại phiên toà)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình xét xử tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 là hàng xóm với bà Hồ Thanh T. Do nhu cầu cần tiền để làm hụi và chơi hụi nên bà D và ông D1 nhiều lần vay mượn tiền của bà T cụ thể như sau:

Ngày 19/10/2022 bà D và ông D1 vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 17/11/ 2022 bà D và ông D1 tiếp tục vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 23/11/2022 bà D và ông D1 tiếp tục vay của bà T số tiền 9.500.000 đồng.

Ngày 08/12/2022 bà D và ông D1 tiếp tục vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2022 bà D và ông D1 tiếp tục vay của bà T số tiền 34.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà D và ông D1 đã vay của bà T là 243.500.000 đồng. Tất cả các lần vay mượn thì bà T điều chuyển khoản vào tài khoản ATM của bà D tại Ngân hàng TMCP C1 – chi nhánh N1, hai bên không viết giấy vay tiền nhưng ông D1 và bà D có có hứa hẹn trả lãi 03%/tháng. Từ ngày mượn nợ cho tới nay thì bà D và ông D1 không trả khoản tiền nào cho bà T, nên bà T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà D và ông D1 phải trả số tiền gốc 243.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 22/5/2024) tương ứng với số tiền 71.861.800 đồng. Tổng số tiền mà bà T yêu cầu ông D1 và bà D phải trả là 315.361.800 đồng. Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình xét xử vụ án bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 do bà D làm người đại diện trình bày:

Bà và bà Hồ Thanh T là hàng xóm với nhau. Do bà là chủ hụi nên bà T có liên hệ bà để cho những người chơi hụi vay tiền trả tiền hụi. Bà T đã chuyển khoản cho bà số tiền 243.500.000 đồng cụ thể:

Ngày 19/10/2022 bà T có chuyển khoản số tiền 80 triệu đồng vào tài khoản của bà, số tiền này bà đưa cho những người khác mượn để thanh toán tiền hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể bà trực tiếp đưa cho bà C số tiền 20 triệu đồng, ông R 30 triệu đồng, bà T2 là 20 triệu đồng và bà T3 10 triệu đồng. Đối với những người này thì bà chỉ biết tên, còn họ tên cụ thể, năm sinh và hiện nay họ ở đâu thì bà không nắm được.

Ngày 17/11/2022 bà T cho chuyển vào tài khoản của bà số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này do bà T không có thẻ ATM của ngân hàng gần nhà tôi, nên bà T có chuyển vào tài khoản và nhờ bà đi rút hộ và về đưa lại cho bà T. Bà T trực tiếp đưa lại cho bà Bùi Thị T1 mượn.

Ngày 23/11/2022 bà T cho chuyển vào tài khoản của bà số tiền 9.500.000 đồng, số tiền này bà là người trực tiếp đi rút tiền và trực tiếp đưa cho bà T3 (không rõ họ tên cụ thể). Số tiền này bà đã trả cho bà T vào ngày 08/02/2023 với

số tiền 9.750.000 đồng cũng bằng hình thức chuyển khoản.

Ngày 08/12/2022 bà T tiếp tục chuyển vào tài khoản của bà số tiền 100.000.000 đồng; Số tiền này bà đưa lại cho bà Đào Thị Diễm T4, bà là người trực tiếp rút tiền và đưa lại cho bà T4.

Ngày 13/12/2022 bà T chuyển khoản cho bà số tiền 34.000.000 đồng vào tài khoản của bà. Số tiền này dùng để chồng hịu cho bà Bùi Thị Diễm T5, do bà là chủ hụi nên bà giữ số tiền nay để chồng hịu cho những người khác.

Trong quá trình bà vay tiền thì bà có chuyển trả cho bà T số tiền 9.750.000 đồng vào ngày 08/02/2023, trả số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 16/11/2022 và 4.000.000 đồng vào ngày 15/01/2023. Tất cả số tiền trên bà trả theo hình thức chuyển khoản qua thẻ ATM cho bà T. Ngoài ra số tiền 20.000.000 đồng bà T chuyển khoản ngày 17/11/2022 là tiền bà T chuyển vào tài khoản của bà nhờ bà rút hồ về đưa lại cho bà T và bà T cho bà T1 mượn, nên bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà và ông D1 trả số tiền 243.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh tình từ ngày 19/10/2022 đến ngày xét xử hôm nay là 315.361.800 đồng bà không đồng ý. Bà và ông D1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 205.750.000 đồng, không trả lãi và xin trả dần.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình xét xử vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T1 trình bày:

Bà có quen biết với bà Hồ Thanh T và bà Phan Thị Ngọc D, vào ngày 17/11/2022 do công việc khó khăn và cần tiền chữa bệnh, nên bà có hỏi mượn bà T số tiền 20.000.000 đồng. Bà T chuyển vào tài khoản của bà D nhờ bà D đi rút tiền về đưa lại cho bà T. Sau đó bà T đưa lại cho bà mượn 20.000.000 đồng (nhưng thực tế nhận chỉ 19.500.000 đồng). Hai bên không làm giấy tờ vay tiền, nhưng có thoả thuận lãi suất là 15%/tháng. Bà đã đóng lãi cho bà T đến tháng 3/2024 thì không đóng nữa. Bà đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà T và khấu trừ số tiền này vào số tiền mà bà D và ông D1 phải trả cho bà T. Hiện bà đang gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền 20.000.000 đồng trên cho bà T.

Về các chứng cứ thu thập:

Nguyên đơn giao nộp các chứng cứ: Bản sao kê chi tiết giao dịch của bà Hồ Thanh T tại Ngân hàng TMCP C1 – CN Nhơn Trạch từ ngày 10/10/2022 đến ngày 13/12/2022.

Bị đơn giao nộp chứng cứ: Giấy báo nợ ngày 15/01/2023 của Ngân hàng TMCP C1 – chi nhánh N1 – Phòng G; Giấy báo nợ ngày 16/11/2022 của Ngân hàng TMCP C1 – chi nhánh N1 – Phòng G; Giấy báo nợ ngày 08/02/2023 của Ngân hàng TMCP C1 – chi nhánh N1 – Phòng G.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ và không đưa thêm người vào tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà D và ông D1 phải thanh toán cho bà Hồ Thanh T số tiền 205.750.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 yêu cầu ông D1 và bà D phải trả số tiền đã vay; Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 có nơi cư trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

[2] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án:

Ông Tống Huy H và bà Hồ Thanh T là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 162/208 do UBND xã P, huyện N cấp ngày 11/12/2008. Tuy nhiên ông H xác định số tiền bà T cho bà D và ông D1 vay là tài sản riêng của bà T. Đối bà Nguyễn Thị Diễm T6 là người bà D cho vay tiền từ số tiền của bà T chuyển khoản. Bà T6 xác định không quen biết bà T chỉ mượn tiền từ bà D. Do ông H và bà T6 không có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án này, nên HĐXX không đưa họ vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền gốc: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông D1 và bà D trả số tiền gốc 243.500.000 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 205.750.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà T1 vay, và 17.750.000 đồng bà đã trả cho bà T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà T có chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản ATM của bà D số tiền 243.500.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà T chuyển khoản cho bà D ngày 17/11/2022, bị đơn cho rằng đây là số tiền bà T chuyển vào tài khoản

của bà nhờ bà đi rút rồi giao lại cho bà T để bà T cho bà T1 vay. Qua làm việc với bà T1 cũng xác định số tiền 20.000.000 đồng mà bà T chuyển khoản cho bà D ngày 17/11/2022 là tiền bà T nhờ bà D đi rút hộ để về cho bà vay. Tuy nhiên, bà D và bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn đi rút tiền giúp và bà T1 nhận tiền trực tiếp từ bà T, do đó không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, nguyên đơn bà T yêu cầu ông D1 và bà D trả số tiền gốc 243.500.000 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3.2] Về tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm (khoảng 1,66%/tháng) tính từ ngày 19/10/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 22/5/2024) là 71.861.800 đồng.

Mặc dù theo các bên không có hợp đồng vay và nhưng các bên đều thừa nhận có thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Do đó yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Mức lãi suất của nguyên đơn là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngày 19/10/2022 bị đơn vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất được tính từ ngày 19/10/2022 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) là 19 tháng 03 ngày, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi 19 tháng với tương đương với số tiền 80.000.000 đồng x 1,66% x 19 tháng = 25.3232.000 đồng.

Ngày 17/11/2022 bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất được tính từ ngày 17/11/2022 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) là 01 năm 06 tháng 05 ngày, nguyên đơn yêu cầu tính lãi của 18 tháng với mức lãi 1,66%/tháng, tương đương với số tiền 20.000.000 đồng x 1,66% x 18 tháng = 5.976.000 đồng.

Ngày 23/11/2022 bị đơn vay số tiền 9.500.000 đồng, lãi suất được tính từ 23/11/2022 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) là 01 năm 06 tháng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi của 18 tháng với mức lãi 1,66%/tháng, tương đương với số tiền 9.500.000 đồng x 1,66% x 18 tháng = 2.838.600 đồng.

Ngày 08/12/2022 bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất được tính từ 08/12/2022 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) là 01 năm 05 tháng 14 ngày, nguyên đơn yêu cầu tính lãi của 17 tháng với mức lãi 1,66%/tháng, tương đương với số tiền 100.000.000 đồng x 1,66% x 17 tháng = 28.220.000 đồng.

Ngày 13/12/2022 bị đơn vay số tiền 34.000.000 đồng, lãi suất được tính từ 13/12/2022 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) là 01 năm 05 tháng 09 ngày, nguyên đơn yêu cầu tính lãi của 17 tháng với mức lãi 1,66%/tháng, tương đương với số tiền 34.000.000 đồng x 1,66% x 17 tháng = 9.594.800 đồng.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tương đương số tiền 25.3232.000 đồng + 5.976.000 đồng + 2.838.600 đồng + 28.220.000 đồng + 9.594.800 đồng đồng = 71.861.800 đồng. Mặc dù bị đơn có trình bày về việc trả tiền lãi trong thời gian vay tiền, tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhân và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ về việc trả lãi nên không có cơ sở xem xét.

Trong quá trình vay tiền bà D có thanh toán cho bà T số tiền 17.750.000 đồng (Bao gồm 9.750.000 đồng vào ngày 08/02/2023, 4.000.000 đồng vào ngày 16/11/2022 và 4.000.000 đồng vào ngày 15/01/2023 bằng hình thức chuyển khoản). Mặc dù nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn trả số tiền trên, nhưng bị đơn cung cấp các chứng từ chuyển khoản để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét thấy việc bà D thanh toán số tiền 17.750.000 đồng cho bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc ông Đỗ Ngọc D1 và bà Phan Thị Ngọc D phải thanh toán cho bà Hồ Thanh T số tiền là: 243.5000.000 đồng + 71.861.800 đồng – 17.750.000 đồng = 297.611.800 đồng.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền 14.880.590 đồng (làm tròn 14.880.500 đồng). Bà Hồ Thanh T phải chịu án phí đối với số tiền 17.750.000 đồng không được chấp nhận, tương ứng số tiền **887.500đồng**.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 229, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1.

Buộc bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 phải thanh toán cho bà Hồ Thanh T số tiền 297.611.800 đồng (*Hai trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mươi một ngàn tám trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Ngọc D1 phải nộp 14.880.590 đồng (làm tròn 14.880.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ

Thanh T phải chịu 887.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 6.800.000 tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002286 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Hoàn trả cho bà Hồ Thanh T số tiền 5.912.500 đồng tạm ứng án phí dân sự còn dư.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trương hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Quốc Hoàn